TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2023
V/v "Tranh chấp cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn và thay đổi nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Tư Duy
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Giáp Hồng Thanh;
Ông Trần Văn Thiện.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trương Thị Hồng Tr, sinh năm 1992 (có mặt);
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Bị đơn: anh Đỗ Mạnh T, sinh năm 1989 (có mặt);
Nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Hồng Tr trình bày:

Chị và anh Đỗ Mạnh T kết hôn năm 2013, quá trình chung sống đã sinh được 01 con chung là Đỗ Tiến A, sinh ngày 07/01/2014. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên năm 2016, chị với anh T đã giải quyết ly hôn tại Tòa án. Tại bản án số 38/2016/HNGĐ-ST ngày 05/9/2016 Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định cho chị được ly hôn với anh T và giao cho chị được nuôi con, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, từ khi ly hôn đến nay chị là người trực tiếp nuôi con. Hiện nay, do chi phí sinh hoạt, học hành của con tăng cao gồm tiền đóng học tại trường là 500.000 đồng/tháng, tiền học thêm 500.000 đồng/tháng, chi phí ăn uống 3.000.000 đồng/tháng, chi phí mua đồ dùng cá nhân 2.000.000 đồng/tháng, chi phí mua bảo hiểm, tiêm chủng 250.000 đồng/tháng, chi phí mua

thực phẩm bổ sung 500.000 đồng/tháng, tổng chi phí cho con khoảng từ 7.000.0000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng. Mặt khác anh T đang làm việc tại công ty có thu nhập ổn định. Nay chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 6.000.000 đồng/ tháng, kể từ khi xét xử đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với yêu cầu thay đổi nuôi con của anh T: chị xác định có đủ điều kiện để nuôi con, hiện chị đã được bố mẹ cho đất để làm nhà ở riêng và chị đang làm việc tại Công ty Samsung, sáng đi tối về, thu nhập trung bình từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng, khi chị đi làm thì bố mẹ đẻ của chị đã giúp chị trông nom, đưa đón cháu đi học. Do đó, chị không nhất trí với yêu cầu thay đổi nuôi con của anh T.

Tại phiên tòa, chị Tr có mặt và trình bày: Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng/01 tháng, kể từ thời điểm xét xử 28/3/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

* Tại đơn yêu cầu phản tố, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Đỗ Mạnh T trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của chị Tr về thời điểm kết hôn, thời điểm ly hôn và con chung. Anh xác định sau khi ly hôn thì chị Tr là người trực tiếp nuôi con chung, khi chị Tr nuôi con thì anh thường xuyên thăm nom, gửi tiền để đóng học cho con.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, anh nhận nuôi con Đỗ Tiến A và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng cho con. Anh xác định có đủ điều kiện để nuôi con, hiện anh đang làm việc tại công ty Samsung, thu nhập trung bình từ 14.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng/tháng, anh đang ở cùng bố mẹ đẻ, nếu anh được nuôi con thì bố mẹ anh cùng anh chăm sóc con. Nếu anh không được nuôi con thì anh không nhất trí với yêu cầu cấp dưỡng của chị Tr vì số tiền cấp dưỡng mà chị Tr yêu cầu là quá cao so với thu nhập của anh. Mặt khác, hiện anh đã kết hôn với người khác và mới sinh con, đồng thời anh phải phụng dưỡng bố mẹ.

Tại phiên tòa anh T có mặt và trình bày: anh chỉ nhất trí cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/ 01 tháng.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: Thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX

chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Tr, xử:

Không chấp nhận yêu cầu thay đổi nuôi con của anh T;

Buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tr với mức 2.000.000/tháng, kể từ ngày 28/3/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Chị Tr yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn và bị đơn đang cư trú tại xã A, huyện T, Tòa án đã thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật dân sự là đúng về mối quan hệ tranh chấp và thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu thay đổi nuôi con của anh T:

Anh T xác định anh có thu nhập hàng tháng từ 14.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng, nên có đủ điều kiện để nuôi con. Chị Tr cũng xác định đang ở nhà đất riêng và thu nhập đủ điều kiện để nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, kể từ thời điểm ly hôn đến nay, chị Tr là người trực tiếp nuôi con, khi chị Tr nuôi con thì bố mẹ chị Tr đã giúp chị Tr cùng chăm sóc cháu. Qua xác minh tại địa phương thì thấy, hiện bố mẹ chị Tr đã làm nhà cho mẹ con chị Tr ở riêng và chị Tr đang làm việc tại công ty Samsung, thu nhập hàng tháng từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, khi chị Tr nuôi con thì cháu phát triển tốt. Đối với anh T, hiện anh đã kết hôn mới và đã sinh con, theo lời khai của anh T thì anh hiện còn phải phụng dưỡng bố mẹ. Do đó, điều kiện nuôi con của chị Tr tốt hơn anh T. Mặt khác, hiện cháu Đỗ Tiến A đang học tại Trường tiểu học xã Đ, huyện L, cháu A trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống của con chung, cần giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay là phù hợp. Như vậy, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh T không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn của chị Tr thì thấy: Chị Tr xác định chi phí thiết yếu cho con chung từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 6.000.000 đồng/ tháng. Tại phiên tòa chị Tr yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng/ tháng kể từ ngày xét xử 28/3/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T chỉ nhất trí cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/ tháng. Xét thấy, mặc dù anh T hiện có mức thu nhập từ 14.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng/tháng, nhưng anh T đã kết hôn mới và có 01 con, ngoài việc cấp dưỡng nuôi con thì anh T phải lo cho gia đình. Mặt khác, qua xác minh tại địa phương nơi chị Tr sinh sống thì địa phương cung cấp chi phí thiết yếu cho 01 cháu nhỏ tại địa phương khoảng từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng. Đồng thời Trường Tiểu

học Đ cung cấp các khoản đóng góp của cháu Đỗ Tiến A tại nhà trường gồm tiền đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, tiền học thêm, đồng phục, hoạt động trải nghiệm, vệ sinh lao công, nước uống, hỗ trợ cơ sở vật chất nhà trường, sách vở đồ dùng học tập, tổng các khoản phải đóng trong năm học là 2.013.200 đồng. Ngoài ra, việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con để nhằm mục đích bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con và hỗ trợ một phần tài sản cho con khi cấp dưỡng. Như vậy, yêu cầu cấp dưỡng của chị Tr là cao, không phù hợp, do đó không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu, mà chỉ chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Tr. Buộc anh T cấp dưỡng nuôi con Đỗ Tiến A, sinh ngày 07/01/2014 với mức 1.500.000 đồng/tháng, kể từ ngày 28/3/2023 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm và án phí do yêu cầu phản tố không được chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 khoản 5 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Đỗ Mạnh T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với con Đỗ Tiến A, sinh ngày 07/01/2014.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Hồng Tr về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Đỗ Mạnh T phải cấp dưỡng nuôi con Đỗ Tiến A, sinh ngày 07/01/2014 với mức 1.500.000 đồng/ 01 tháng, kể từ ngày 28/3/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: anh Đỗ Mạnh T phải chịu 300.000 đồng án phí do yêu cầu thay đổi nuôi con không được chấp nhận và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 0011956 ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành

án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang. Anh T còn phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyệnT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tư Duy